

VAI TRÒ CỦA MĨ THUẬT TRONG GIÁO DỤC THẨM MỸ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SÁNG TẠO CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TẠI PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN TẠI TỈNH HÀ GIANG

Đàm Quốc Kiên
Phân hiệu ĐHTN tại Hà Giang
Email: damquockien@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết nhằm khảo sát vai trò của học phần Mĩ thuật cơ bản trong giáo dục thẩm mỹ và phát triển năng lực sáng tạo cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy. Đối tượng nghiên cứu gồm 223 sinh viên ngành giáo dục mầm non, trong đó có 127 sinh viên khóa 2023–2027 và 96 sinh viên khóa 2024 - 2027 tại phân hiệu đại học Thái Nguyên tại Hà Giang. Phương pháp nghiên cứu bao gồm điều tra bằng phiếu hỏi, quan sát thực hành, phân tích thống kê mô tả và tổng hợp tài liệu. Kết quả cho thấy môn Mĩ thuật cơ bản đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành kỹ năng thẩm mỹ và sáng tạo sư phạm, song còn hạn chế về thời lượng học, cơ sở vật chất và cơ hội bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật. Nghiên cứu đề xuất ba giải pháp chính: tăng cường thời lượng và hoạt động thực hành; bổ sung cơ sở vật chất, phòng học chức năng; và tổ chức chương trình bồi dưỡng năng khiếu mĩ thuật thông qua hợp tác với giảng viên, nghệ sĩ chuyên môn.

Từ khóa: giáo dục thẩm mỹ, năng lực sáng tạo, mĩ thuật cơ bản, đào tạo giáo viên mầm non, giải pháp nâng cao hiệu quả.

THE ROLE OF FINE ARTS IN AESTHETIC EDUCATION AND CREATIVE CAPACITY DEVELOPMENT FOR EARLY CHILDHOOD EDUCATION STUDENTS AT THAI NGUYEN UNIVERSITY – HA GIANG CAMPUS

Đàm Quốc Kiên
Ha Giang branch of Thai Nguyen University

Abstract: This article aims to investigate the role of the Basic Fine Arts course in aesthetic education and the development of creative capacity among Early Childhood Education students, while also analyzing the factors that affect teaching effectiveness. The study involved 127 Early Childhood Education students (cohort 2023–2027) at Thai Nguyen University – Ha Giang Campus. Research methods included questionnaire surveys, practice observations, descriptive statistical analysis, and document synthesis. The findings indicate that the Basic Fine Arts course plays a crucial role in shaping aesthetic skills and pedagogical creativity; however, there remain limitations in learning time, facilities, and opportunities for developing artistic talents. The study proposes three main solutions: increasing the duration and practice activities of the course; supplementing facilities and functional classrooms; and organizing fine arts talent development programs through collaboration with lecturers and professional artists.

Keywords: aesthetic education, creative capacity, basic fine arts, early childhood teacher training, effectiveness enhancement solutions.

Nhận bài: 15/08/2025

Phản biện: 14/09/2025

Duyệt đăng: 18/09/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam hướng tới mục tiêu phát triển năng lực toàn diện cho người học theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (Ban Chấp hành Trung ương, 2013), giáo dục thẩm mỹ và khả năng sáng tạo trở thành những yếu tố cốt lõi đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non (Nguyễn, 2023). Hoạt động mĩ thuật không chỉ hình thành cảm xúc thẩm mỹ mà còn rèn luyện tư duy sáng tạo, giúp sinh viên có kỹ năng tổ chức hoạt động nghệ thuật cho trẻ theo định hướng của Chương trình Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2016) và Kế hoạch chuyển đổi số giáo dục giai đoạn 2021–2025 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021).

Tuy nhiên, việc triển khai học phần Mĩ thuật cơ bản tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên ở Hà Giang vẫn còn hạn chế:

Yếu tố thuộc về sinh viên: Năng lực và năng khiếu thẩm mỹ ban đầu: sự nhạy cảm về hình, màu, khả năng quan sát. Tinh thần học tập và thái độ sáng tạo: sự chủ động, kiên trì, say mê khám phá. Kỹ năng thực hành: vẽ, nặn, xé dán, thiết kế đồ dùng mầm non.

Thời lượng học phần trước đây chỉ có 45 tiết, chưa đáp ứng yêu cầu thực hành

Yếu tố về cơ sở vật chất: đã được đầu tư các thiết bị hiện đại (máy chiếu, máy tính, bảng tương tác, phần mềm hỗ trợ sáng tạo; bàn ghế linh hoạt, dễ di chuyển; ánh sáng nhân tạo bảo vệ thị lực người học; tủ, giá, kệ đựng học cụ gọn gàng, thuận

tiện cho việc bảo quản và trưng bày sản phẩm mỹ thuật) nhằm hỗ trợ việc dạy học Mỹ thuật nhưng vẫn cần bổ sung thêm những cơ sở vật chất đặc thù để đáp ứng đặc trưng của môn học. Cụ thể:

Tủ, giá, kệ đựng học cụ: gọn gàng, thuận tiện cho việc bảo quản và trưng bày sản phẩm mỹ thuật.

Vật liệu và dụng cụ thực hành: màu vẽ, giấy, đất nặn, kéo, hồ dán, bìa, phế liệu sạch... để sinh viên trải nghiệm thực hành giống môi trường mầm non.

Không gian trưng bày: bảng ghim, khung treo tranh, giá để sản phẩm 3D (nặn, xé dán, lắp ghép...) nhằm tạo cảm hứng và khuyến khích sáng tạo.

Góc trải nghiệm nghệ thuật: không gian mở cho các hoạt động sáng tạo tự do (vẽ, nặn, thủ công).

Trang thiết bị an toàn: thùng rác phân loại, nước rửa tay, quạt thông gió, đảm bảo vệ sinh và an toàn cho người học. (Ngô, 2024).

Xuất phát từ thực tế trên, bài viết này nhằm phân tích vai trò của môn mỹ thuật trong giáo dục thẩm mỹ và phát triển năng lực sáng tạo cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, đồng thời xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy, từ đó đề xuất các giải pháp cải thiện chương trình trong thời gian tới.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm giáo dục thẩm mỹ và năng lực sáng tạo trong đào tạo giáo viên mầm non

Giáo dục thẩm mỹ là quá trình hình thành ở người học khả năng cảm nhận, đánh giá và sáng tạo cái đẹp trong nghệ thuật và trong cuộc sống, góp phần phát triển nhân cách hài hòa, toàn diện (Phạm, 2022). Đối với đào tạo giáo viên mầm non, giáo dục thẩm mỹ không chỉ dừng ở việc truyền đạt kiến thức nghệ thuật, mà còn hướng đến phát triển khả năng cảm thụ, tư duy nghệ thuật và kỹ năng vận dụng trong hoạt động dạy học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2016).

Năng lực sáng tạo được hiểu là khả năng phát hiện, hình thành ý tưởng mới và áp dụng chúng vào thực tiễn, tạo ra sản phẩm có giá trị thẩm mỹ và giáo dục (Nguyễn & Trần, 2021). Trong bối cảnh đào tạo giáo viên mầm non, năng lực sáng tạo giúp sinh viên chủ động thiết kế hoạt động nghệ thuật phong phú, đa dạng, hấp dẫn cho trẻ, từ đó góp phần hình thành ở trẻ khả năng cảm nhận và sáng tạo ngay từ những năm đầu đời.

2.1.2. Vai trò của mỹ thuật trong hình thành kỹ năng sư phạm và phát triển sáng tạo

Mỹ thuật là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non, giúp sinh viên hình thành kỹ năng thẩm mỹ và khả năng thiết kế hoạt động giáo dục trực quan sinh động (Lê & Đỗ, 2020). Thông qua hoạt động vẽ, nặn, cắt dán và thiết kế sản phẩm nghệ thuật, sinh viên không chỉ phát triển tư duy tạo hình mà còn rèn luyện kỹ năng sư phạm như hướng dẫn trẻ, tổ chức lớp học, đánh giá sản phẩm và khơi gợi hứng thú nghệ thuật (Trần & Lê, 2022).

Đặc biệt, mỹ thuật còn góp phần hình thành năng lực sáng tạo cho sinh viên thông qua các hoạt động trải nghiệm, thiết kế đồ dùng dạy học và xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm (Nguyễn, 2023)[4]. Những kỹ năng này đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục thẩm mỹ tại các cơ sở giáo dục mầm non, phù hợp với định hướng đổi mới của ngành (Ban Chấp hành Trung ương, 2013).

2.1.3. Các nghiên cứu trước liên quan

Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã khẳng định vai trò của giáo dục mỹ thuật đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Trần và Lê (2022) nhấn mạnh rằng các hoạt động mỹ thuật giúp sinh viên rèn luyện tư duy trực quan, óc sáng tạo và kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Tương tự, Nguyễn (2023) cho rằng giáo dục thẩm mỹ đóng vai trò then chốt trong việc hình thành nhân cách sư phạm, đồng thời khuyến nghị mở rộng thời lượng học phần mỹ thuật để tăng cường hoạt động thực hành.

Ngoài ra, các văn bản định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016; 2021) cũng khẳng định yêu cầu phát triển năng lực nghệ thuật và sáng tạo trong đào tạo giáo viên mầm non, coi đây là một tiêu chí quan trọng để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW (Ban Chấp hành Trung ương, 2013).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành với đối tượng là 127 sinh viên ngành Giáo dục Mầm non khóa 2023–2027 tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên ở Hà Giang. Đây là nhóm sinh viên đang trong quá trình hoàn thiện các học phần chuyên ngành, trong đó đã được học Mỹ thuật cơ bản từ học kỳ 1 của năm thứ hai. Việc lựa chọn đối tượng này nhằm đảm bảo khả năng thu thập dữ liệu phản ánh

chính xác nhận thức, thái độ và mức độ phát triển năng lực sáng tạo sau khi hoàn thành học phần.

Phạm vi nghiên cứu tập trung vào việc đánh giá vai trò của học phần Mĩ thuật cơ bản trong giáo dục thẩm mỹ và phát triển năng lực sáng tạo cho sinh viên, đồng thời xem xét những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy. Các hoạt động khảo sát được tiến hành sau khi sinh viên đã trải nghiệm toàn bộ chương trình học phần, qua đó bảo đảm tính xác thực của các thông tin thu thập được.

Phương pháp nghiên cứu bao gồm: (1) khảo sát bằng phiếu hỏi thang đo Likert để thu thập dữ liệu định lượng về mức độ hài lòng, nhận thức và nhu cầu học tập của sinh viên; (2) phỏng vấn bán

cấu trúc với một số giảng viên và sinh viên nhằm khai thác sâu hơn các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy; (3) quan sát thực hành nhằm ghi nhận cách thức sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào các sản phẩm nghệ thuật và hoạt động sư phạm; và (4) phân tích thống kê mô tả để xử lý dữ liệu, từ đó rút ra các kết luận và khuyến nghị phù hợp.

2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.3.1. Thực trạng nhận thức và mức độ hài lòng của sinh viên

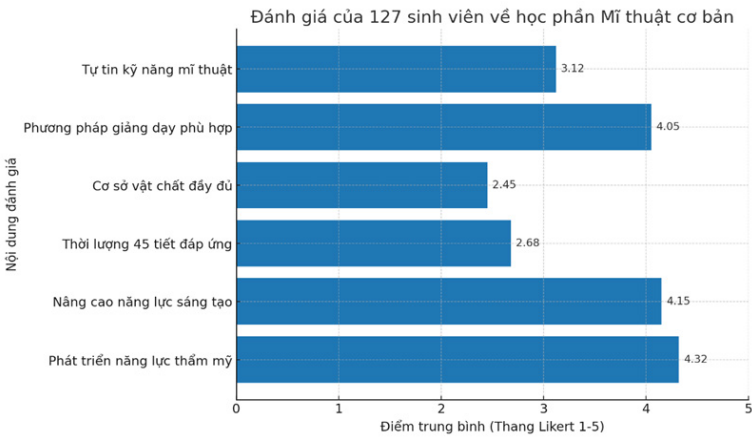
Kết quả khảo sát 127 sinh viên bằng thang đo Likert 5 mức độ (1 = Rất không đồng ý, 5 = Rất đồng ý) cho thấy:

STT	Nội dung đánh giá	Trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)
1	Mĩ thuật giúp phát triển năng lực thẩm mỹ	4.32	0.65
2	Mĩ thuật góp phần nâng cao năng lực sáng tạo	4.15	0.70
3	Thời lượng 45 tiết đáp ứng yêu cầu học tập	2.68	0.90
4	Cơ sở vật chất phục vụ học phần đầy đủ	2.45	0.85
5	Phương pháp giảng dạy của giảng viên phù hợp	4.05	0.72
6	Sinh viên tự tin với kỹ năng mĩ thuật của bản thân	3.12	0.88

Kết quả cho thấy, sinh viên đánh giá cao vai trò của môn mĩ thuật trong việc phát triển năng lực thẩm mỹ (Mean = 4.32) và năng lực sáng tạo (Mean = 4.15). Tuy nhiên, mức độ hài lòng về thời lượng

học phần và cơ sở vật chất còn thấp, lần lượt chỉ đạt 2.68 và 2.45, cho thấy nhu cầu tăng thời lượng học và đầu tư phòng học chức năng là cần thiết.

2.3.2. Thảo luận



Kết quả trên phản ánh rõ hạn chế về thời lượng học phần, khi chỉ 45 tiết chưa đủ để sinh viên thực hành, dẫn đến mức điểm trung bình thấp. Việc thiếu phòng học chức năng cũng ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả giảng dạy và trải nghiệm học tập. Tuy nhiên, sinh viên vẫn ghi nhận nỗ lực của giảng viên trong việc sử dụng phương pháp phù hợp (Mean = 4.05), đồng thời thể hiện thái độ tích cực với việc phát triển năng lực sáng tạo qua môn học. Điều này gợi mở rằng để nâng cao hiệu quả đào tạo, cần đồng thời tăng thời lượng học phần lên 75 tiết, đầu tư cơ sở vật chất chuyên dụng, và

tổ chức các buổi ngoại khóa hoặc workshop nghệ thuật nhằm hỗ trợ sinh viên rèn luyện kỹ năng, đặc biệt là những người chưa có năng khiếu.

2.4. Đề xuất giải pháp

2.4.1. Tăng cường thời lượng học phần Mĩ thuật cơ bản và mở rộng các hoạt động thực hành nhằm nâng cao năng lực sáng tạo và kỹ năng sư phạm cho sinh viên

Cách thức tiến hành: Căn cứ trên phản hồi của sinh viên (điểm trung bình về thời lượng chỉ đạt 2.68/5), nhà trường cần điều chỉnh thời lượng từ 45 tiết lên 75 tiết, như chương trình mới áp dụng

cho khóa K3, đồng thời bổ sung các buổi thực hành ngoài giờ hoặc workshop nghệ thuật theo nhóm nhỏ. Ngoài ra, giảng viên cần thiết kế các bài tập sáng tạo đa dạng như vẽ tranh chủ đề, thiết kế đồ dùng dạy học và tổ chức triển lãm sản phẩm nhằm tạo hứng thú học tập.

Điều kiện thực hiện: Việc tăng thời lượng đòi hỏi sự điều chỉnh trong kế hoạch đào tạo của khoa, phân bổ lịch học hợp lý và đảm bảo đủ giảng viên phụ trách. Nhà trường cần bố trí thêm kinh phí cho vật liệu thực hành và xem xét phối hợp với các cơ sở văn hóa – nghệ thuật tại địa phương để hỗ trợ không gian, chuyên gia hướng dẫn và tổ chức hoạt động thực tế cho sinh viên.

2.4.2. Đầu tư và bổ sung cơ sở vật chất, xây dựng phòng học chức năng chuyên dụng phục vụ giảng dạy học phần Mỹ thuật cơ bản

Cách thức tiến hành: Nhà trường cần khảo sát thực trạng phòng học và trang thiết bị hiện có, lập kế hoạch đầu tư xây dựng hoặc cải tạo không gian chuyên biệt cho việc giảng dạy mỹ thuật. Phòng học chức năng nên được trang bị bàn ghế chuyên dụng, giá vẽ, dụng cụ vẽ – nặn – cắt dán, hệ thống chiếu sáng và khu vực trưng bày sản phẩm của sinh viên. Đồng thời, cần xây dựng kho học liệu trực quan (bản vẽ, tranh, mô hình) để hỗ trợ việc giảng dạy và tự học của sinh viên.

Điều kiện thực hiện: Biện pháp này đòi hỏi nguồn kinh phí đầu tư ổn định từ ngân sách nhà trường hoặc các dự án xã hội hóa. Ngoài ra, cần có đội ngũ kỹ thuật viên hoặc cán bộ quản lý phòng học để bảo đảm thiết bị luôn trong trạng thái sẵn sàng, an toàn và hỗ trợ tốt nhất cho các giờ học thực hành.

2.4.3. Bồi dưỡng năng khiếu mỹ thuật cho sinh viên thông qua hợp tác mời giảng viên, nghệ sĩ và tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo

Cách thức tiến hành: Nhà trường có thể tổ chức các buổi workshop, tọa đàm chuyên đề, hoặc lớp học ngắn hạn do các giảng viên chuyên ngành, họa sĩ, nghệ nhân địa phương đảm nhiệm. Các hoạt động này tập trung vào việc hướng dẫn kỹ năng vẽ, nặn, thiết kế và sáng tạo sản phẩm mỹ thuật ứng dụng trong giáo dục mầm non. Ngoài ra, sinh viên được khuyến khích tham gia các cuộc thi sáng tạo nghệ thuật hoặc triển lãm nhỏ nhằm phát triển năng khiếu và tư duy thẩm mỹ.

Điều kiện thực hiện: Cần xây dựng kế hoạch hợp tác lâu dài với các trường nghệ thuật, câu lạc bộ mỹ thuật hoặc nghệ sĩ chuyên nghiệp. Đồng thời, bố trí kinh phí hỗ trợ, phân bổ thời gian hợp lý ngoài giờ học chính khóa và có chế độ khuyến khích sinh viên tham gia tích cực.

III. KẾT LUẬN

Mỹ thuật giữ vai trò then chốt trong quá trình đào tạo giáo viên mầm non, không chỉ góp phần hình thành năng lực thẩm mỹ mà còn khơi dậy tư duy sáng tạo, giúp sinh viên phát triển kỹ năng sư phạm nghệ thuật một cách toàn diện. Kết quả nghiên cứu cho thấy, để phát huy tối đa hiệu quả của môn học này, cần tiếp tục cải tiến phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường thực hành, gắn với trải nghiệm sáng tạo. Đồng thời, việc đầu tư cơ sở vật chất hiện đại và xây dựng đội ngũ giảng viên có chuyên môn sâu về mỹ thuật là yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng xu hướng đổi mới giáo dục hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2016). *Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục Mầm non*. Hà Nội: Tác giả.
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục giai đoạn 2021–2025*. Hà Nội: Tác giả.
- [4]. Nguyễn, V. H. (2023). *Giáo dục thẩm mỹ trong đào tạo giáo viên mầm non ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*. Tạp chí Giáo dục, 22(3), 45–50.
- [5]. Trần, T. M., & Lê, Q. A. (2022). *Phát triển năng lực sáng tạo cho sinh viên sư phạm thông qua hoạt động mỹ thuật*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Nghệ thuật, 14(2), 67–74.
- [6]. Ngô, H. T. (2024). *Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Mỹ thuật cơ bản trong các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non*. Hội thảo Khoa học Quốc gia về Đổi mới Giáo dục, 98–106.
- [7]. Lê, Q. A., & Đỗ, M. H. (2020). *Ứng dụng mỹ thuật trong đào tạo giáo viên mầm non: Thực tiễn và khuyến nghị*. Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật, 12(4), 55–61.
- [8]. Nguyễn, H. T., & Trần, T. M. (2021). *Năng lực sáng tạo và phát triển nghề nghiệp của sinh viên sư phạm*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 39(1), 12–18.
- [9]. Phạm, L. H. (2022). *Giáo dục thẩm mỹ trong chương trình đào tạo giáo viên: Một số vấn đề lý luận*. Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, 35(2), 77–84.